

Số: 267 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Công văn số 2350/BDTTG-VPQGDTMN ngày 19/10/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về tổ chức triển khai Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 05/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Tổ chức rà soát, phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 03/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về kiện toàn Hội đồng thẩm định thực hiện phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Báo cáo số 21/BC-HĐTĐ ngày 19/01/2026 của Hội đồng thẩm định về báo cáo kết quả thẩm định, rà soát, phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 01/TTr-SDTTG ngày 19/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể như sau:

1. Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn

- Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số: **1.389 thôn**.
- Thôn miền núi: **1.238 thôn**.
- Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: **1.462 thôn**.
- Thôn đặc biệt khó khăn: **653 thôn**/1.462 thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III.

- Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số: **78 xã**.
- Xã miền núi: **74 xã**.
- Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: **78 xã**.
- Xã khu vực I: **04 xã**/78 xã dân tộc thiểu số và miền núi.
- Xã khu vực II: **17 xã**/78 xã dân tộc thiểu số và miền núi.
- Xã khu vực III: **57 xã**/78 xã dân tộc thiểu số và miền núi.

(Chi tiết tại biểu 01, 02 kèm theo Quyết định)

Điều 2. Tổ chức triển khai thực hiện:

1. Giao Sở Dân tộc và Tôn giáo:

- Trên cơ sở Quyết định này tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo kết quả xác định, phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030 gửi Bộ Dân tộc và Tôn giáo theo quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ.

- Sau khi Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành quyết định công bố danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III trên phạm vi cả nước, tham mưu cho UBND tỉnh thông báo đến các sở, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

2. Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị căn cứ danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030 đã được công bố để xây dựng các kế hoạch triển khai thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc, chính sách an sinh xã hội, chính sách phát triển kinh tế - xã hội theo quy định.

3. UBND các xã, phường phổ biến rộng rãi đến Nhân dân trên địa bàn kết quả phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa, giai

đoạn 2026 - 2030; xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương phù hợp với kết quả phân định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo (để B/c);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để B/c);
- Chủ tịch; các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh ủy;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo (02 bản giấy);
- Đảng ủy các xã, phường;
- CVP; các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các Phòng thuộc Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Văn Cường

**DANH SÁCH THÔN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ
MIỀN NÚI, THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN TỈNH THANH HOÁ,
GIAI ĐOẠN 2026-2030**

(Kèm theo Quyết định số 267 /QĐ-UBND ngày 21 /01/2026 của UBND tỉnh Thanh Hoá)

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG		1389	1238	1462	653
1	XÃ MUỜNG LÁT		11	11	11	9
1.1		Thôn 1	X	X	X	X
1.2		Thôn 2	X	X	X	
1.3		Thôn 3	X	X	X	X
1.4		Thôn 4	X	X	X	
1.5		Thôn Buồn	X	X	X	X
1.6		Thôn Na Khả	X	X	X	X
1.7		Thôn Chiên Pục	X	X	X	X
1.8		Thôn Chiềng Cồng	X	X	X	X
1.9		Thôn Tén Tẩn	X	X	X	X
1.10		Thôn Piềng Mòn	X	X	X	X
1.11		Thôn Đoàn Kết	X	X	X	X
2	XÃ MUỜNG CHANH		9	9	9	1
2.1		Bản Na Chùa	X	X	X	
2.2		Bản Ngổ	X	X	X	
2.3		Bản Chai	X	X	X	
2.4		Bản Lách	X	X	X	X
2.5		Bản Piềng Tật	X	X	X	
2.6		Bản Na Hào	X	X	X	
2.7		Bản Bống	X	X	X	
2.8		Bản Cang	X	X	X	
2.9		Bản Na Hin	X	X	X	
3	XÃ MUỜNG LÝ		15	15	15	8
3.1		Bản Mau	X	X	X	
3.2		Bản Kít	X	X	X	
3.3		Bản Tài Chánh	X	X	X	
3.4		Bản Năng 1	X	X	X	
3.5		Bản Năng 2	X	X	X	
3.6		Bản Muống 2	X	X	X	X
3.7		Bản Muống 1	X	X	X	X
3.8		Bản Xa Lung	X	X	X	X
3.9		Bản Xi Lồ	X	X	X	X
3.10		Bản Trung Tiến	X	X	X	X

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
3.11		Bản Ứn	X	X	X	X
3.12		Bản Trung Thắng	X	X	X	X
3.13		Bản Sài Khao	X	X	X	X
3.14		Bản Chà Lan	X	X	X	
3.15		Bản Chiềng Nưa	X	X	X	
4	XÃ NHI SƠN		6	6	6	6
4.1		Bản Lốc Há	X	X	X	X
4.2		Bản Cật	X	X	X	X
4.3		Bản Pá Hộc	X	X	X	X
4.4		Bản Chim	X	X	X	X
4.5		Bản Kéo Hượn	X	X	X	X
4.6		Bản Kéo Té	X	X	X	X
5	XÃ PÙ NHI		11	11	11	10
5.1		Bản Na Tao	X	X	X	
5.2		Bản Đông Ban	X	X	X	X
5.3		Bản Hạ Sơn	X	X	X	X
5.4		Bản Pha Đén	X	X	X	X
5.5		Bản Hua Pù	X	X	X	X
5.6		Bản Pù Quăn	X	X	X	X
5.7		Bản Cá Nội	X	X	X	X
5.8		Bản Pù Ngùa	X	X	X	X
5.9		Bản Cá Tóp	X	X	X	X
5.10		Bản Com	X	X	X	X
5.11		Bản Pù Toong	X	X	X	X
6	XÃ QUANG CHIỂU		13	13	13	1
6.1		Bản Sáng	X	X	X	
6.2		Bản Pọng	X	X	X	
6.3		Bản Cò Cài	X	X	X	
6.4		Bản Bàn	X	X	X	
6.5		Bản Cúm	X	X	X	
6.6		Bản Pù Đứa	X	X	X	X
6.7		Bản Xim	X	X	X	
6.8		Bản Púng	X	X	X	
6.9		Bản Qua	X	X	X	
6.10		Bản Mòng	X	X	X	
6.11		Bản Hạm	X	X	X	
6.12		Bản Con Dao	X	X	X	
6.13		Bản Suối Tút	X	X	X	
7	XÃ TAM CHUNG		8	8	8	6
7.1		Bản Tân Hương	X	X	X	X

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
7.2		Bản Cản	X	X	X	
7.3		Bản Pom Khuông	X	X	X	X
7.4		Bản Suối Lóng	X	X	X	X
7.5		Bản Lát	X	X	X	
7.6		Bản Suối Phái	X	X	X	X
7.7		Bản Pọng	X	X	X	X
7.8		Bản Ôn	X	X	X	X
8	XÃ TRUNG LÝ		15	15	15	13
8.1		Bản Táo	X	X	X	
8.2		Bản Khảm I	X	X	X	X
8.3		Bản Khảm II	X	X	X	X
8.4		Bản Pá Quăn	X	X	X	
8.5		Bản Cò Cài	X	X	X	X
8.6		Bản Cá Giáng	X	X	X	X
8.7		Bản Cảnh Cộng	X	X	X	X
8.8		Bản Tà Cóm	X	X	X	X
8.9		Bản Lìn	X	X	X	X
8.10		Bản Pá Búa	X	X	X	X
8.11		Bản Hộc	X	X	X	X
8.12		Bản Nà Ôn	X	X	X	X
8.13		Bản Ma Hác	X	X	X	X
8.14		Bản Xa Lao	X	X	X	X
8.15		Bản Tung	X	X	X	X
9	XÃ HỘI XUÂN		19	20	20	4
9.1		Thôn 1		X	X	
9.2		Thôn 2	X	X	X	
9.3		Thôn 3	X	X	X	
9.4		Thôn 4	X	X	X	
9.5		Thôn 5	X	X	X	
9.6		Thôn 6	X	X	X	
9.7		Thôn 7	X	X	X	
9.8		Thôn Hội Xuân	X	X	X	
9.9		Thôn Khảm	X	X	X	
9.10		Thôn Ban	X	X	X	X
9.11		Thôn Khó	X	X	X	
9.12		Thôn nghèo	X	X	X	X
9.13		Thôn Cốc	X	X	X	X
9.14		Thôn Mướp	X	X	X	X
9.15		Bản Chăm	X	X	X	
9.16		Bản Pọng-kame	X	X	X	

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
9.17		Bản Cang	X	X	X	
9.18		Bản Cối Khiêu	X	X	X	
9.19		Bản Đồng Tâm	X	X	X	
9.20		Bản Vinh Quang	X	X	X	
10	XÃ NAM XUÂN		14	14	14	12
10.1		Bản Khuông	X	X	X	X
10.2		Bản Nam Tân	X	X	X	X
10.3		Bản Đụn Pù	X	X	X	X
10.4		Bản Bút Xuân	X	X	X	
10.5		Bản Bút	X	X	X	
10.6		Bản Lép	X	X	X	X
10.7		Bản Ken	X	X	X	X
10.8		Bản Phố Mới	X	X	X	X
10.9		Bản Ngà	X	X	X	X
10.10		Bản Khang	X	X	X	X
10.11		Bản Cua	X	X	X	X
10.12		Bản Cùm	X	X	X	X
10.13		Bản Cốc	X	X	X	X
10.14		Bản Cốc 3	X	X	X	X
11	XÃ THIÊN PHỦ		13	13	13	13
11.1		Bản Lót Dồi	X	X	X	X
11.2		Bản Hàm	X	X	X	X
11.3		Bản Háng	X	X	X	X
11.4		Bản Sắng	X	X	X	X
11.5		Bản Chong	X	X	X	X
11.6		Bản Sài	X	X	X	X
11.7		Bản Dôi	X	X	X	X
11.8		Bản Nót	X	X	X	X
11.9		Bản Bâu	X	X	X	X
11.10		Bản Lở	X	X	X	X
11.11		Bản Chiềng	X	X	X	X
11.12		Bản Bất	X	X	X	X
11.13		Bản Khương Làng	X	X	X	X
12	XÃ HIỀN KIỆT		13	13	13	10
12.1		Bản Ho	X	X	X	X
12.2		Bản Cháo	X	X	X	X
12.3		Bản San	X	X	X	X
12.4		Bản Poọng 1	X	X	X	
12.5		Bản Poọng 2	X	X	X	X
12.6		Bản Chiềng Hin	X	X	X	X

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
12.7		Bản Chiềng Cắm	X	X	X	
12.8		Bản Lóp Hai	X	X	X	
12.9		Bản Hân	X	X	X	X
12.10		Bản Bó	X	X	X	X
12.11		Bản Chại	X	X	X	X
12.12		Bản Pheo	X	X	X	X
12.13		Bản Yên	X	X	X	X
13	XÃ PHÚ LỆ		15	15	15	15
13.1		Bản Suối Tồn	X	X	X	X
13.2		Bản Khoa	X	X	X	X
13.3		Bản Tai Giác	X	X	X	X
13.4		Bản Ôn	X	X	X	X
13.5		Bản Chiềng	X	X	X	X
13.6		Bản Uôn	X	X	X	X
13.7		Bản En	X	X	X	X
13.8		Bản Páng	X	X	X	X
13.9		Bản Đỏ	X	X	X	X
13.10		Bản Chăng	X	X	X	X
13.11		Bản Trung Tân	X	X	X	X
13.12		Bản Sại	X	X	X	X
13.13		Bản Tân Phúc	X	X	X	X
13.14		Bản Đuôm	X	X	X	X
13.15		Bản Hang	X	X	X	X
14	XÃ TRUNG THÀNH		15	15	15	15
14.1		Bản Bước	X	X	X	X
14.2		Bản Pu	X	X	X	X
14.3		Bản Bai	X	X	X	X
14.4		Bản Sơn Thành	X	X	X	X
14.5		Bản Tân Hương	X	X	X	X
14.6		Bản Thành Yên	X	X	X	X
14.7		Bản Thành Tân	X	X	X	X
14.8		Bản Tân Lập	X	X	X	X
14.9		Bản Tiến Thắng	X	X	X	X
14.10		Bản Buốc Hiềng	X	X	X	X
14.11		Bản Cá	X	X	X	X
14.12		Bản Chiềng	X	X	X	X
14.13		Bản Phai	X	X	X	X
14.14		Bản Tang	X	X	X	X
14.15		Bản Sạy	X	X	X	X
15	XÃ PHÚ XUÂN		11	11	11	10

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
15.1		Bản Mí	X	X	X	X
15.2		Bản Phé	X	X	X	X
15.3		Bản Bá	X	X	X	X
15.4		Bản Vui	X	X	X	X
15.5		Bản Mỏ	X	X	X	X
15.6		Bản Pan	X	X	X	X
15.7		Bản Thu Đông	X	X	X	X
15.8		Bản Éo	X	X	X	X
15.9		Bản Tân Sơn	X	X	X	X
15.10		Bản Giá	X	X	X	X
15.11		Bản Sa Lăng	X	X	X	
16	XÃ TRUNG SƠN		6	6	6	5
16.1		Bản Ta Bán	X	X	X	X
16.2		Bản Co Me	X	X	X	
16.3		Bản Chiềng	X	X	X	X
16.4		Bản Pạo	X	X	X	X
16.5		Bản Pượn	X	X	X	X
16.6		Bản Bó	X	X	X	X
17	XÃ TAM LƯ'		13	13	13	7
17.1		Bản Hậu	X	X	X	
17.2		Bản Sại	X	X	X	X
17.3		Bản Piềng Khỏe	X	X	X	
17.4		Bản Muống	X	X	X	X
17.5		Bản Hát	X	X	X	
17.6		Bản Tinh	X	X	X	
17.7		Bản Nà Oì	X	X	X	
17.8		Bản Hạ	X	X	X	
17.9		Bản Xum	X	X	X	X
17.10		Bản Lầu	X	X	X	X
17.11		Bản Nà Sắng	X	X	X	X
17.12		Bản Làng	X	X	X	X
17.13		Khu phố Sỏi	X	X	X	X
18	XÃ QUAN SƠN		16	15	16	14
18.1		Bản Bách	X	X	X	X
18.2		Bản Ngâm	X	X	X	X
18.3		Bản Bôn	X	X	X	X
18.4		Bản Máy	X	X	X	X
18.5		Bản Bàng	X	X	X	X
18.6		Bản Khạn	X	X	X	X
18.7		Khu phố 1	X	X	X	X

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
18.8		Khu phố 2	X	X	X	X
18.9		Khu phố 3	X		X	
18.10		Khu phố 4	X	X	X	
18.11		Khu phố 5	X	X	X	X
18.12		Khu phố Păng	X	X	X	X
18.13		Khu phố Bon	X	X	X	X
18.14		Khu phố Hao	X	X	X	X
18.15		Khu phố Hẹ	X	X	X	X
18.16		Khu phố Bìn	X	X	X	X
19	XÃ TRUNG HẠ		21	22	22	19
19.1		Bản Cum	X	X	X	X
19.2		Bản Chè	X	X	X	X
19.3		Bản Lằm	X	X	X	X
19.4		Bản Lốc	X	X	X	X
19.5		Bản Tong	X	X	X	X
19.6		Bản Pọng	X	X	X	X
19.7		Bản Đe	X	X	X	X
19.8		Tiểu Khu km22		X	X	
19.9		Bản Din	X	X	X	X
19.10		Bản Lợi	X	X	X	X
19.11		Bản Xầy	X	X	X	X
19.12		Bản Chiềng Xầy	X	X	X	X
19.13		Bản Bá	X	X	X	X
19.14		Bản Xanh	X	X	X	X
19.15		Bản Lang	X	X	X	X
19.16		Bản Cạn	X	X	X	X
19.17		Bản La	X	X	X	
19.18		Bản Mòn	X	X	X	X
19.19		Bản Piềng Phố	X	X	X	
19.20		Bản Muồng	X	X	X	X
19.21		Bản Phụn	X	X	X	X
19.22		Bản Phú Nam	X	X	X	X
20	XÃ NA MÈO		9	9	9	9
20.1		Bản Na Mèo	X	X	X	X
20.2		Bản Tám Ba	X	X	X	X
20.3		Bản Xộp Huổi	X	X	X	X
20.4		Bản Na Pọng	X	X	X	X
20.5		Bản Cha Khót	X	X	X	X
20.6		Bản Bo Hiềng	X	X	X	X
20.7		Bản Sa Ná	X	X	X	X

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
20.8		Bản Sơn	X	X	X	X
20.9		Bản Ché Lầu	X	X	X	X
21	XÃ SƠN THUY		11	11	11	11
21.1		Bản Bản Khả	X	X	X	X
21.2		Bản Xía Nội	X	X	X	X
21.3		Bản Xuân Thành	X	X	X	X
21.4		Bản Thủy Sơn	X	X	X	X
21.5		Bản Bản Cóc	X	X	X	X
21.6		Bản Thủy Thành	X	X	X	X
21.7		Bản Hiết	X	X	X	X
21.8		Bản Muống	X	X	X	X
21.9		Bản Chung Sơn	X	X	X	X
21.10		Bản Mùa Xuân	X	X	X	X
21.11		Bản Bản Chanh	X	X	X	X
22	XÃ SƠN ĐIỆN		10	10	10	10
22.1		Bản Tân Sơn	X	X	X	X
22.2		Bản Nhài	X	X	X	X
22.3		Bản Na Nghiu	X	X	X	X
22.4		Bản Na Lộc	X	X	X	X
22.5		Bản Ngâm	X	X	X	X
22.6		Bản Xa Mang	X	X	X	X
22.7		Bản Ban	X	X	X	X
22.8		Bản Bun	X	X	X	X
22.9		Bản Na Hồ	X	X	X	X
22.10		Bản Xuân Sơn	X	X	X	X
23	XÃ MUỐNG MÌN		5	5	5	5
23.1		Bản Bơn	X	X	X	X
23.2		Bản Chiềng	X	X	X	X
23.3		Bản Luốc Lầu	X	X	X	X
23.4		Bản Mìn	X	X	X	X
23.5		Bản Yên	X	X	X	X
24	XÃ TAM THANH		8	8	8	8
24.1		Bản Bôn	X	X	X	X
24.2		Bản Cha Lung	X	X	X	X
24.3		Bản Phe	X	X	X	X
24.4		Bản Na Ấu	X	X	X	X
24.5		Bản Mò	X	X	X	X
24.6		Bản Ngâm	X	X	X	X
24.7		Bản Kham	X	X	X	X
24.8		Bản Pa	X	X	X	X

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
25	XÃ LINH SƠN		16	16	18	13
25.1		Thôn Ảng	X	X	X	X
25.2		Thôn Chí Linh		X	X	
25.3		Thôn Chiềng Ban 1	X	X	X	X
25.4		Thôn Chiềng Ban 2	X	X	X	X
25.5		Thôn Chiềng Trãi	X		X	
25.6		Thôn Chiêu Bang	X	X	X	X
25.7		Thôn Giáng	X	X	X	X
25.8		Thôn Lê Lợi		X	X	
25.9		Thôn Nguyễn Trãi	X	X	X	
25.10		Thôn Oi	X	X	X	X
25.11		Thôn Phổng Bàn	X		X	X
25.12		Thôn Tỉu	X	X	X	X
25.13		Thôn Trùng	X	X	X	X
25.14		Bản Năng Cát	X	X	X	X
25.15		Bản Hắc	X	X	X	
25.16		Bản En	X	X	X	X
25.17		Bản Cây	X	X	X	X
25.18		Bản Giàng Vìn	X	X	X	X
26	XÃ ĐỒNG LƯƠNG		16	16	16	10
26.1		Thôn Cốc Mốc	X	X	X	X
26.2		Thôn Quắc Quên	X	X	X	X
26.3		Thôn Thung	X	X	X	X
26.4		Thôn Chiềng Khặt	X	X	X	
26.5		Thôn Cui	X	X	X	X
26.6		Thôn Xuôm Chông	X	X	X	X
26.7		Thôn Nê Cẩm	X	X	X	X
26.8		Thôn Chạc Rạnh	X	X	X	X
26.9		Thôn Tân Sơn	X	X	X	
26.10		Thôn Sơn Thủy	X	X	X	
26.11		Thôn Tân Tiến	X	X	X	
26.12		Thôn Tân phong	X	X	X	
26.13		Thôn Tân Thành	X	X	X	
26.14		Thôn Tân Thủy	X	X	X	X
26.15		Thôn Tân Lập	X	X	X	X
26.16		Thôn Tân Bình	X	X	X	X
27	XÃ VĂN PHÚ		14	14	14	13
27.1		Bản Cú Tá	X	X	X	X
27.2		Bản U	X	X	X	X
27.3		Bản Lọng	X	X	X	X

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
27.4		Bản Cắm	X	X	X	X
27.5		Bản Lót	X	X	X	X
27.6		Bản Phá	X	X	X	X
27.7		Bản Tiên	X	X	X	X
27.8		Bản Cháo Pi	X	X	X	
27.9		Bản Đôn	X	X	X	X
27.10		Bản Poọng	X	X	X	X
27.11		Bản Ngày	X	X	X	X
27.12		Bản Buốc	X	X	X	X
27.13		Bản Tiến	X	X	X	X
27.14		Bản Nà Đang	X	X	X	X
28	XÃ GIAO AN		11	11	11	10
28.1		Thôn Khu 1	X	X	X	X
28.2		Thôn Khu 2	X	X	X	X
28.3		Thôn Poọng	X	X	X	X
28.4		Thôn Nghiu Tươi	X	X	X	X
28.5		Thôn Chiềng Lăn	X	X	X	X
28.6		Thôn Húng	X	X	X	X
28.7		Thôn Trô	X	X	X	X
28.8		Thôn Viên	X	X	X	X
28.9		Thôn Chiềng Nang	X	X	X	X
28.10		Thôn Bắc Nặm	X	X	X	X
28.11		Thôn Ang	X	X	X	
29	XÃ YÊN KHUÔNG		9	9	9	8
29.1		Bản Xăng Hăng	X	X	X	X
29.2		Bản Yên Bình	X	X	X	X
29.3		Bản Chiềng Nưa	X	X	X	X
29.4		Bản Tứ Chiềng	X	X	X	X
29.5		Bản Bôn	X	X	X	X
29.6		Bản Xã	X	X	X	
29.7		Bản Chí Lý Nặm Đanh	X	X	X	X
29.8		Bản Mè	X	X	X	X
29.9		Bản Giàng	X	X	X	X
30	XÃ YÊN THẮNG		9	9	9	9
30.1		Bản Yên Thành	X	X	X	X
30.2		Bản Vân Ngoài	X	X	X	X
30.3		Bản Vân Trong	X	X	X	X
30.4		Bản Tráng	X	X	X	X
30.5		Bản Peo	X	X	X	X
30.6		Bản Ngâm Póc	X	X	X	X

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
30.7		Bản Cơn	X	X	X	X
30.8		Bản Vịn	X	X	X	X
30.9		Bản Vặn	X	X	X	X
31	XÃ BÁ THUỐC		32	28	34	8
31.1		Thôn Tôm	X	X	X	
31.2		Chiềng Lau	X	X	X	
31.3		Thôn Nghĩa	X	X	X	
31.4		Thôn Ba	X	X	X	
31.5		Thôn Sát	X	X	X	
31.6		La Hán	X	X	X	
31.7		Thôn Cả	X	X	X	
31.8		Thôn Khiêng	X	X	X	X
31.9		Thôn Tré	X	X	X	X
31.10		Thôn Man Môn	X	X	X	X
31.11		Thôn Cộn	X	X	X	
31.12		Thôn Cò Con	X	X	X	
31.13		Thôn Cò Mu	X	X	X	X
31.14		Thôn Chiềng Ai	X	X	X	X
31.15		Phố 1	X		X	
31.16		Phố 2	X		X	
31.17		Phố 3	X		X	
31.18		Phố 4	X		X	
31.19		Phố 5	X		X	
31.20		Khu phố Tráng	X	X	X	
31.21		Khu phố Vặn Tãi	X	X	X	X
31.22		Khu phố 1 Lâm Xa	X	X	X	
31.23		Khu phố Sán	X	X	X	
31.24		Khu phố Cành Nàng	X	X	X	
31.25		Khu phố Nủ	X	X	X	
31.26		Khu phố Mốt	X	X	X	X
31.27		Phố 2 Lâm Xa	X		X	
31.28		Khu phố Đăm	X	X	X	
31.29		Khu phố Anh Vân		X	X	
31.30		Khu phố Lương Vân		X	X	
31.31		Khu phố Mòn	X	X	X	
31.32		Khu phố Kim Vân	X	X	X	
31.33		Khu phố Chu	X	X	X	
31.34		Khu phố Măng	X	X	X	X
32	XÃ THIẾT ÓNG		21	22	23	20
32.1		Thôn Hang	X	X	X	X

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
32.2		Thôn Trếch	X	X	X	X
32.3		Thôn Cú	X	X	X	X
32.4		Thôn Đô	X	X	X	X
32.5		Thôn Thúy	X	X	X	X
32.6		Thôn Sặng	X	X	X	
32.7		Thôn Thành Công	X	X	X	X
32.8		Thôn Liên Thành	X	X	X	X
32.9		Thôn Chun	X	X	X	X
32.10		Thôn Quyết Thắng	X	X	X	X
32.11		Thôn Nán	X	X	X	
32.12		Thôn Suội	X	X	X	X
32.13		Thôn Thiết Giang	X	X	X	X
32.14		Thôn Cốc	X	X	X	X
32.15		Phố Bá Lộc		X	X	X
32.16		Thôn Chiềng	X	X	X	X
32.17		Phố Đồng Tâm 1	X		X	
32.18		Phố Đồng Tâm 2		X	X	X
32.19		Thôn Cháy Kề	X	X	X	X
32.20		Thôn Kề	X	X	X	X
32.21		Thôn Luồng	X	X	X	X
32.22		Thôn Cha	X	X	X	X
32.23		Thôn Khung	X	X	X	X
33	XÃ VĂN NHỎ		17	17	17	17
33.1		Thôn Kháng	X	X	X	X
33.2		Thôn Pọng	X	X	X	X
33.3		Thôn Tổ Lè	X	X	X	X
33.4		Thôn Kình	X	X	X	X
33.5		Thôn Xà Luốc	X	X	X	X
33.6		Thôn Chuông Cải	X	X	X	X
33.7		Thôn Chiềng Mới	X	X	X	X
33.8		Thôn Cha Kỳ	X	X	X	X
33.9		Thôn Kéo Hiềng	X	X	X	X
33.10		Thôn Chiềng Âm	X	X	X	X
33.11		Thôn Đác	X	X	X	X
33.12		Thôn Búoc	X	X	X	X
33.13		Thôn Khà	X	X	X	X
33.14		Thôn Pặt	X	X	X	X
33.15		Thôn Hiềng	X	X	X	X
33.16		Thôn Bo Hạ	X	X	X	X
33.17		Thôn Bo Thượng	X	X	X	X

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
34	XÃ ĐIỀN QUANG		30	26	30	29
34.1		Thôn Hồ Quang	X	X	X	X
34.2		Thôn Vền Âm Khả	X		X	X
34.3		Thôn Tam Liên	X		X	X
34.4		Thôn Un	X	X	X	X
34.5		Thôn Mười	X	X	X	X
34.6		Thôn Đồi Muồn	X	X	X	X
34.7		Thôn Lùng	X	X	X	X
34.8		Thôn Muồn	X	X	X	X
34.9		Thôn Khò	X	X	X	X
34.10		Thôn Mít	X	X	X	X
34.11		Thôn Xê	X	X	X	X
34.12		Thôn Cộ	X	X	X	X
34.13		Thôn Đào	X	X	X	X
34.14		Thôn Khước Luyện	X	X	X	X
34.15		Thôn Bái Tôm	X	X	X	X
34.16		Thôn Sèo	X		X	X
34.17		Thôn Xăm	X	X	X	X
34.18		Thôn Né	X	X	X	
34.19		Thôn Duồng	X	X	X	X
34.20		Thôn Đền	X	X	X	X
34.21		Thành Điền	X		X	X
34.22		Thôn Đón	X	X	X	X
34.23		Thôn Nan	X	X	X	X
34.24		Thôn Búng	X	X	X	X
34.25		Thôn Thượng Sơn	X	X	X	X
34.26		Thôn Xay Luồi	X	X	X	X
34.27		Thôn Chiềng Má	X	X	X	X
34.28		Thôn Chiềng Mung	X	X	X	X
34.29		Thôn Bít Bả	X	X	X	X
34.30		Thôn Lau	X	X	X	X
35	XÃ ĐIỀN LƯ'		30	20	30	0
35.1		Thôn Sông Mã	X	X	X	
35.2		Thôn Võ	X	X	X	
35.3		Thôn Riêng	X	X	X	
35.4		Thôn Điền Giang	X		X	
35.5		Thôn Điền Lý	X		X	
35.6		Thôn Điền Tiến	X		X	
35.7		Thôn Triu	X	X	X	
35.8		Thôn Chiềng Lầm	X	X	X	

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
35.9		Phố Điền Lư	X		X	
35.10		Thôn Cộc Ngán	X	X	X	
35.11		Thôn Muồng Do	X		X	
35.12		Thôn Cun Láo	X	X	X	
35.13		Thôn Cò Lượn	X	X	X	
35.14		Thôn Kéo	X	X	X	
35.15		Thôn Giát	X		X	
35.16		Thôn Rằm Tám	X	X	X	
35.17		Thôn Trúc	X		X	
35.18		Thôn Xịa	X	X	X	
35.19		Thôn Điền Thái	X		X	
35.20		Thôn Khả	X	X	X	
35.21		Thôn Cón	X	X	X	
35.22		Thôn Mé	X	X	X	
35.23		Thôn Giỏi	X	X	X	
35.24		Thung Tâm	X	X	X	
35.25		Thôn Tôm	X	X	X	
35.26		Thôn Đan	X	X	X	
35.27		Thôn Vèn	X	X	X	
35.28		Thôn Mỹ	X		X	
35.29		Thôn Côn	X		X	
35.30		Thôn Trênh	X	X	X	
36	XÃ QUÝ LƯƠNG		25	24	26	24
36.1		Thôn Giầu Cả	X		X	
36.2		Thôn Ngọc Sinh	X	X	X	X
36.3		Thôn Măng	X	X	X	
36.4		Thôn Dàn Long	X	X	X	X
36.5		Thôn Cốc Cáo	X	X	X	X
36.6		Thôn Đạo	X	X	X	X
36.7		Thôn Công	X	X	X	X
36.8		Thôn Đàm	X	X	X	X
36.9		Thôn Ấm	X	X	X	X
36.10		Thôn Trần	X	X	X	X
36.11		Thôn Ry	X	X	X	X
36.12		Thôn Chông	X	X	X	X
36.13		Thôn Đòn	X	X	X	X
36.14		Thôn Ben	X	X	X	X
36.15		Thôn Són	X	X	X	X
36.16		Thôn Khai	X	X	X	X
36.17		Thôn Trung Thành	X	X	X	X

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
36.18		Thôn Mật Thành	X	X	X	X
36.19		Thôn Quang Trung	X		X	X
36.20		Thôn Phú Sơn	X	X	X	X
36.21		Thôn Chòm Mốt	X	X	X	X
36.22		Thôn Trung Thủy	X	X	X	X
36.23		Thôn Sơn Thủy	X	X	X	X
36.24		Thôn Trung Sơn	X	X	X	X
36.25		Thôn Trung Dương		X	X	X
36.26		Thôn Chòm Thái	X	X	X	X
37	XÃ CỎ LŨNG		22	22	22	22
37.1		Thôn Phìa	X	X	X	X
37.2		Thôn La Ca	X	X	X	X
37.3		Thôn Tեն Mới	X	X	X	X
37.4		Thôn Eo Điều	X	X	X	X
37.5		Thôn Nà Khả	X	X	X	X
37.6		Thôn Lác	X	X	X	X
37.7		Thôn Âm Hiều	X	X	X	X
37.8		Thôn Khuyn	X	X	X	X
37.9		Thôn Đốc	X	X	X	X
37.10		Thôn Lọng	X	X	X	X
37.11		Thôn Nang	X	X	X	X
37.12		Thôn Cao	X	X	X	X
37.13		Thôn Trình	X	X	X	X
37.14		Thôn Hìn	X	X	X	X
37.15		Thôn Bó	X	X	X	X
37.16		Thôn Nứa	X	X	X	X
37.17		Thôn Pồn Thành Công	X	X	X	X
37.18		Thôn Cao Hoong	X	X	X	X
37.19		Thôn Kịt	X	X	X	X
37.20		Thôn Sơn	X	X	X	X
37.21		Thôn Bá	X	X	X	X
37.22		Thôn Mười	X	X	X	X
38	XÃ PÙ LUÔNG		20	19	20	19
38.1		Thôn Eo Kén	X	X	X	X
38.2		Thôn Pà Ban	X	X	X	X
38.3		Thôn Kho Mường	X	X	X	X
38.4		Thôn Pù Luông	X	X	X	X
38.5		Thôn Báng	X	X	X	X
38.6		Thôn Nông Công	X	X	X	X
38.7		Thôn Bầm	X	X	X	X

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
38.8		Thôn Đôn	X	X	X	X
38.9		Thôn Leo	X	X	X	X
38.10		Thôn Tân Thành	X	X	X	X
38.11		Thôn Đanh	X	X	X	X
38.12		Thôn Cốc	X	X	X	X
38.13		Thôn Bồng	X	X	X	X
38.14		Thôn Niêm Thành	X	X	X	X
38.15		Thôn Lặn Ngoài	X	X	X	X
38.16		Thôn Lặn Trong	X	X	X	X
38.17		Thôn Đồng	X	X	X	X
38.18		Thôn Đủ	X	X	X	X
38.19		Thôn Đòn	X	X	X	X
38.20		Thôn Phố Đoàn	X		X	
39	XÃ NGỌC LẠC		32	28	33	0
39.1		Thôn Lê Thánh Tông	X		X	
39.2		Thôn Lê Duẩn	X		X	
39.3		Thôn Lê Hoàn	X		X	
39.4		Thôn Trần Phú	X		X	
39.5		Thôn Cao Xuân	X	X	X	
39.6		Thôn Vân Hòa	X	X	X	
39.7		Thôn Tran	X	X	X	
39.8		Thôn Tân Thành	X	X	X	
39.9		Thôn Cao Nguyên	X	X	X	
39.10		Thôn Hưng Sơn	X	X	X	
39.11		Thôn Hạ Sơn	X	X	X	
39.12		Thôn Cao Phong	X	X	X	
39.13		Thôn Cao Thượng	X	X	X	
39.14		Thôn Ngọc Minh	X	X	X	
39.15		Thôn Quang Hưng		X	X	
39.16		Thôn Mỏ	X	X	X	
39.17		Thôn Mống	X	X	X	
39.18		Thôn Chả Thượng	X	X	X	
39.19		Thôn Mới	X	X	X	
39.20		Thôn Hạ Mỹ	X	X	X	
39.21		Thôn Thi Mốc	X	X	X	
39.22		Thôn Vải	X	X	X	
39.23		Thôn Beo	X	X	X	
39.24		Thôn Hoa Cao	X	X	X	
39.25		Thôn Đông Sơn	X	X	X	
39.26		Thôn Tam Đồng	X	X	X	

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
39.27		Thôn Trung Sơn	X	X	X	
39.28		Thôn Phú Sơn	X	X	X	
39.29		Thôn Thanh Bình	X		X	
39.30		Thôn Lương Sơn	X	X	X	
39.31		Thôn Hồng Sơn	X	X	X	
39.32		Thôn Giang Sơn	X	X	X	
39.33		Thôn Vân Sơn	X	X	X	
40	XÃ THẠCH LẬP		30	21	30	2
40.1		Làng Lim	X		X	
40.2		Làng Mới	X		X	
40.3		Làng Rềnh	X	X	X	
40.4		Thôn Mùn Bương	X	X	X	
40.5		Làng Chiềng	X	X	X	
40.6		Làng Me	X	X	X	
40.7		Làng Đồi Đỏ	X	X	X	
40.8		Thôn Bái E	X		X	
40.9		Thôn Hợp Lộc	X		X	
40.10		Thôn Lưu Phúc	X		X	
40.11		Thôn Ngủ Xẻ	X	X	X	
40.12		Thôn Quang Phú	X		X	
40.13		Thôn Quang Sơn	X	X	X	
40.14		Thôn Quang Thủy	X	X	X	
40.15		Thôn Quang Vinh	X		X	
40.16		Thôn Râm Duộng	X		X	
40.17		Thôn Quang Thái Bình	X	X	X	
40.18		Thôn Thuận Hòa	X		X	
40.19		Thôn Đô Sơn	X	X	X	X
40.20		Thôn Đô Quần	X	X	X	X
40.21		Thôn Thuận Sơn	X	X	X	
40.22		Thôn Lập Thắng	X	X	X	
40.23		Thôn Hoa Sơn	X	X	X	
40.24		Thôn Đô Ung	X	X	X	
40.25		Thôn Tân Thành	X	X	X	
40.26		Thôn Lương Ngô	X	X	X	
40.27		Thôn Minh Tiến	X	X	X	
40.28		Thôn Thạch Yên	X	X	X	
40.29		Thôn Xuân Chính	X	X	X	
40.30		Thôn Lương Thiện	X	X	X	
41	XÃ NGỌC LIÊN		38	28	39	0
41.1		Thôn 1	X		X	

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
41.2		Thôn 2	X		X	
41.3		Thôn 3	X		X	
41.4		Thôn 5	X	X	X	
41.5		Thôn 6	X	X	X	
41.6		Thôn 7	X		X	
41.7		Thôn 8	X	X	X	
41.8		Thôn 9	X	X	X	
41.9		Thôn 10	X		X	
41.10		Thôn Điền Sơn	X	X	X	
41.11		Thôn Kim Thủy	X	X	X	
41.12		Thôn Linh Sơn	X	X	X	
41.13		Thôn Hoành Sơn	X		X	
41.14		Thôn Thanh Sơn	X	X	X	
41.15		Thôn Minh Tiến	X		X	
41.16		Thôn Tiền Phong	X	X	X	
41.17		Thôn Minh Phong	X	X	X	
41.18		Thôn Thọ Phú	X	X	X	
41.19		Thôn Minh Lâm	X		X	
41.20		Thôn Trung Thành	X	X	X	
41.21		Thôn Minh Xuân	X	X	X	
41.22		Thôn Yên Thắng	X	X	X	
41.23		Thôn Ngọc Tân	X	X	X	
41.24		Thôn Tân Mỹ	X	X	X	
41.25		Thôn Xuân Minh	X	X	X	
41.26		Làng Lim Còm	X	X	X	
41.27		Thôn Khang Ninh	X	X	X	
41.28		Làng Mai	X	X	X	
41.29		Làng Bứa	X		X	
41.30		Làng Cao Sơn	X		X	
41.31		Làng Cao Thắng	X		X	
41.32		Thôn Z111	X	X	X	
41.33		Làng 61		X	X	
41.34		Thôn Lộc Thành	X	X	X	
41.35		Thôn Lộc Tiến	X	X	X	
41.36		Thôn Lộc Phát	X	X	X	
41.37		Làng Cò Chè	X	X	X	
41.38		Làng Ngã Hón	X	X	X	
41.39		Làng Hép	X	X	X	
42	XÃ MINH SƠN		31	27	34	0
42.1		Làng Nghiện	X	X	X	

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
42.2		Thôn Xam	X	X	X	
42.3		Làng Chù	X	X	X	
42.4		Thôn Lỗ	X	X	X	
42.5		Làng Thau	X	X	X	
42.6		Làng Ngọc Mùn	X	X	X	
42.7		Thôn Vin Cộn	X	X	X	
42.8		Làng Chò Tráng	X	X	X	
42.9		Làng Nhởi	X	X	X	
42.10		Thôn Ngọc Thành	X	X	X	
42.11		Thôn Minh Châu I	X	X	X	
42.12		Thôn Minh Châu II		X	X	
42.13		Thôn Minh Hòa	X		X	
42.14		Thôn Minh Lai	X		X	
42.15		Thôn Minh Liên	X	X	X	
42.16		Thôn Minh Lương	X	X	X	
42.17		Thôn Minh Ngọc	X	X	X	
42.18		Thôn Minh Nguyên	X	X	X	
42.19		Thôn Minh Thái	X	X	X	
42.20		Thôn Minh Thắng	X		X	
42.21		Thôn Minh Thọ	X	X	X	
42.22		Thôn Minh Thuận	X	X	X	
42.23		Thôn Bót	X	X	X	
42.24		Thôn Giữa	X	X	X	
42.25		Thôn 5		X	X	
42.26		Thôn 7		X	X	
42.27		Thôn Minh Thủy	X	X	X	
42.28		Thôn Hương Tiến	X		X	
42.29		Thôn Minh Cơ	X		X	
42.30		Thôn Phúc Long	X		X	
42.31		Thôn Thanh Sơn	X		X	
42.32		Thôn Tiến Sơn	X	X	X	
42.33		Thôn Minh Thành	X	X	X	
42.34		Thôn Thành Phong	X	X	X	
43	XÃ NGUYỆT ẮN		32	28	34	18
43.1		Làng Phùng Sơn	X	X	X	
43.2		Làng Bứa	X	X	X	X
43.3		Làng Lau	X	X	X	X
43.4		Làng Chằm	X	X	X	
43.5		Làng Chuối	X	X	X	X
43.6		Thôn Hợp Thành	X		X	X

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
43.7		Làng Bằng	X		X	
43.8		Làng Môn	X	X	X	X
43.9		Thôn Môn Tía	X	X	X	X
43.10		Thôn Pheo	X	X	X	X
43.11		Thôn Mót	X	X	X	
43.12		Thôn Nguyệt Sơn	X		X	
43.13		Thôn Rênh	X		X	X
43.14		Thôn Nguyệt Tân	X	X	X	X
43.15		Thôn Nguyệt Trung	X		X	X
43.16		Thôn Nguyệt Bình	X	X	X	X
43.17		Thôn Minh Thạch	X		X	
43.18		Thôn Liên Cơ		X	X	
43.19		Thôn Liên Cơ 1		X	X	
43.20		Thôn Nguyệt Tiến	X	X	X	X
43.21		Thôn Nguyệt Thành	X	X	X	X
43.22		Thôn Đồng Đang	X	X	X	
43.23		Thôn Nguyệt Thịnh	X	X	X	X
43.24		Thôn Âm	X	X	X	X
43.25		Thôn Thuận Bà	X	X	X	
43.26		Thôn Khén	X	X	X	
43.27		Thôn Đám Vân Giang	X	X	X	
43.28		Thôn Cao Sơn	X	X	X	X
43.29		Thôn Giỏi	X	X	X	X
43.30		Thôn Rẻ	X	X	X	X
43.31		Thôn Tráng	X	X	X	
43.32		Thôn Vân Thịnh	X	X	X	
43.33		Thôn Mết	X	X	X	
43.34		Thôn Đổng	X	X	X	
44	XÃ KIÊN THỌ		25	22	25	0
44.1		Thôn Ba Si	X		X	
44.2		Thôn Đức Thịnh	X	X	X	
44.3		Thôn Kiên Minh	X	X	X	
44.4		Thôn 11	X	X	X	
44.5		Thôn Thành Công	X	X	X	
44.6		Thôn Thành Sơn	X	X	X	
44.7		Thôn Thọ Liên	X	X	X	
44.8		Thôn Thọ Phú	X	X	X	
44.9		Thôn Thống Nhất	X		X	
44.10		Thôn Xuân Thành	X	X	X	
44.11		Làng Ngã Ba	X	X	X	

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
44.12		Làng Trạc	X	X	X	
44.13		Làng Quên	X	X	X	
44.14		Làng Bái	X	X	X	
44.15		Làng Sòng	X	X	X	
44.16		Làng Cò Mót	X	X	X	
44.17		Làng Miềng	X	X	X	
44.18		Làng Bào	X	X	X	
44.19		Làng Chu	X	X	X	
44.20		Làng Cốc	X	X	X	
44.21		Làng Hạ	X	X	X	
44.22		Thôn Minh Hòa	X	X	X	
44.23		Làng Thượng	X		X	
44.24		Thôn Minh Lải	X	X	X	
44.25		Làng Mui	X	X	X	
45	XÃ CẨM THẠCH		31	25	31	1
45.1		Thôn Bèo Bọt	X	X	X	
45.2		Thôn Phâng Khánh	X	X	X	
45.3		Thôn Nậm Trẹn	X	X	X	
45.4		Thôn Ngọc Khặt	X	X	X	X
45.5		Thôn Cánh Én	X	X	X	
45.6		Thôn Muốt	X	X	X	
45.7		Thôn Chiềng Chanh	X	X	X	
45.8		Thôn Thành Long	X	X	X	
45.9		Thôn Bình Hòa 1	X	X	X	
45.10		Thôn Bình Hòa 3	X		X	
45.11		Thôn Bình Hòa 5	X		X	
45.12		Thôn Vinh	X		X	
45.13		Thôn Bình Yên	X	X	X	
45.14		Thôn Hạc Sơn	X	X	X	
45.15		Thôn Sẻ	X	X	X	
45.16		Thôn Bình Sơn	X	X	X	
45.17		Thôn Tô	X	X	X	
45.18		Thôn Xanh	X		X	
45.19		Thôn Chợ	X		X	
45.20		Thôn Trảy	X	X	X	
45.21		Thôn Bẹt	X	X	X	
45.22		Thôn Cốc	X	X	X	
45.23		Thôn Văn Thung	X	X	X	
45.24		Thôn Búi	X	X	X	
45.25		Thôn Chén	X	X	X	

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
45.26		Thôn Chiềng Đông	X		X	
45.27		Thôn Thạch Minh	X	X	X	
45.28		Thôn Ngọc Liên	X	X	X	
45.29		Thôn Ngọc Dũng	X	X	X	
45.30		Thôn Ninh Sơn	X	X	X	
45.31		Thôn Thạch An	X	X	X	
46	XÃ CẨM THỦY		19	17	23	0
46.1		Thôn Tân An	X		X	
46.2		Thôn Quang Trung	X		X	
46.3		Thôn Hòa Bình	X		X	
46.4		Thôn Đại Quang	X	X	X	
46.5		Thôn Đại Đồng	X		X	
46.6		Thôn Hoàng Giang	X	X	X	
46.7		Thôn Gia Dụ	X	X	X	
46.8		Thôn Linh Thung	X	X	X	
46.9		Thôn Trường Ngọc	X	X	X	
46.10		Thôn Ngọc Sơn	X	X	X	
46.11		Thôn Đồng Chạ	X	X	X	
46.12		Thôn Dương Đình Huệ		X	X	
46.13		Thôn Cửa Hà		X	X	
46.14		Thôn Nghĩa Dũng		X	X	
46.15		Thôn Phong Ý		X	X	
46.16		Thôn Tử Niêm	X		X	
46.17		Thôn Đồng Lão	X	X	X	
46.18		Thôn Song Nga	X	X	X	
46.19		Thôn Sổng	X	X	X	
46.20		Thôn Phúc Ngán Vải	X		X	
46.21		Thôn Kim	X	X	X	
46.22		Thôn Song	X	X	X	
46.23		Thôn Sành	X	X	X	
47	XÃ CẨM TÚ		21	19	24	0
47.1		Thôn Giang Sơn	X	X	X	
47.2		Thôn Giang Trung	X		X	
47.3		Thôn Giang Hồng 1	X		X	
47.4		Thôn Giang Hồng 2	X	X	X	
47.5		Thôn Thái Học	X		X	
47.6		Thôn Bắc Sơn	X		X	
47.7		Thôn Liên Sơn	X	X	X	
47.8		Thôn Cẩm Hoa		X	X	
47.9		Thôn Thuần Lương		X	X	

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
47.10		Thôn Lương Thành	X	X	X	
47.11		Thôn Bình Xuyên		X	X	
47.12		Thôn Thái Bình	X	X	X	
47.13		Thôn Quý Sơn	X	X	X	
47.14		Thôn Quý Trung	X	X	X	
47.15		Thôn Quý Thanh	X	X	X	
47.16		Thôn Quý Long	X	X	X	
47.17		Thôn Quý Tân	X	X	X	
47.18		Thôn Quý Tiến	X	X	X	
47.19		Thôn Quý Lâm	X	X	X	
47.20		Thôn Quý Thịnh	X		X	
47.21		Thôn Xủ Xuyên	X	X	X	
47.22		Thôn Kim Mắm	X	X	X	
47.23		Thôn Lương Ngọc	X	X	X	
47.24		Thôn Hòa Thuận	X	X	X	
48	XÃ CẨM VÂN		13	16	16	0
48.1		Thôn Đồng Thanh	X	X	X	
48.2		Thôn Phú Sơn	X	X	X	
48.3		Thôn Trung Chính	X	X	X	
48.4		Thôn Trung Độ	X	X	X	
48.5		Thôn Sơn Lập	X	X	X	
48.6		Thôn Thanh Tâm	X	X	X	
48.7		Thôn Thành Công	X	X	X	
48.8		Thôn An Tâm	X	X	X	
48.9		Thôn Yên Cư	X	X	X	
48.10		Thôn Yên Ruộng	X	X	X	
48.11		Thôn Yên Duyệt	X	X	X	
48.12		Thôn Ngọc Vóc	X	X	X	
48.13		Thôn Trâm Lụt	X	X	X	
48.14		Thôn Đồi Vàng		X	X	
48.15		Thôn Tiên Lãng		X	X	
48.16		Thôn Vân Bằng		X	X	
49	XÃ CẨM TÂN		14	14	18	0
49.1		Thôn Do Thượng	X	X	X	
49.2		Thôn Do Trung	X	X	X	
49.3		Thôn Trung Hà		X	X	
49.4		Thôn Phúc Mỹ		X	X	
49.5		Thôn Phúc Tân		X	X	
49.6		Thôn Eo Lê		X	X	
49.7		Thôn Minh Long	X	X	X	

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
49.8		Thôn Tân Long	X	X	X	
49.9		Thôn Phi Long	X	X	X	
49.10		Thôn Vân Ngọc	X	X	X	
49.11		Thôn Cao Long	X	X	X	
49.12		Thôn Long Tiến	X	X	X	
49.13		Thôn Hoàng Thịnh	X		X	
49.14		Thôn Lạc Long	X	X	X	
49.15		Thôn Thái Long	X		X	
49.16		Thôn Thanh Phúc	X		X	
49.17		Thôn Hoàng Vĩnh	X		X	
49.18		Thôn Tiến Long	X	X	X	
50	XÃ KIM TÂN		43	11	43	0
50.1		Thôn 1 Tân Sơn	X		X	
50.2		Thôn 2 Tân Sơn	X		X	
50.3		Thôn 5 Tân Sơn	X		X	
50.4		Thôn 6 Tân Sơn	X		X	
50.5		Thôn 7 Tân Sơn	X		X	
50.6		Thôn 1 Liên Sơn	X		X	
50.7		Thôn 2 Liên Sơn	X		X	
50.8		Thôn Phú Sơn	X		X	
50.9		Thôn Lâm Thành	X	X	X	
50.10		Thôn Ngọc Bò	X		X	
50.11		Thôn 1	X		X	
50.12		Thôn 2	X		X	
50.13		Thôn 3	X		X	
50.14		Thôn 4	X		X	
50.15		Thôn 5	X		X	
50.16		Thôn 6	X		X	
50.17		Thôn Thạch Toàn	X		X	
50.18		Thôn Định Tường	X		X	
50.19		Thôn Định Hưng	X		X	
50.20		Thôn Tiến Thành	X		X	
50.21		Thôn Hợp Tiến	X		X	
50.22		Thôn Hợp Thành	X		X	
50.23		Thôn Liên Hưng	X		X	
50.24		Thôn Thành Văn	X	X	X	
50.25		Thôn Thành Thọ	X	X	X	
50.26		Thôn Thành Hùng	X		X	
50.27		Thôn Thọ Liêu	X	X	X	
50.28		Thôn An Tiến	X		X	

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
50.29		Thôn Vân Lương	X		X	
50.30		Thôn Đồng Khanh	X	X	X	
50.31		Thôn Cầu Rồng	X		X	
50.32		Thôn Đự	X	X	X	
50.33		Thôn Trạc	X		X	
50.34		Thôn Phú Cốc	X	X	X	
50.35		Thôn Bùi	X	X	X	
50.36		Thôn Thọ Trường	X		X	
50.37		Thôn Đa Đụn	X		X	
50.38		Thôn Vọng Thủy	X		X	
50.39		Thôn Thủ Chính	X	X	X	
50.40		Thôn Chính Thành	X	X	X	
50.41		Thôn Xuân Thành	X	X	X	
50.42		Thôn Định Thành	X		X	
50.43		Thôn Ngọc Nước	X		X	
51	XÃ VÂN DU		20	20	27	0
51.1		Thôn 2	X	X	X	
51.2		Thôn 3		X	X	
51.3		Thôn 4		X	X	
51.4		Thôn 5		X	X	
51.5		Thôn 7	X	X	X	
51.6		Thôn Long Vân		X	X	
51.7		Thôn Xóm Sắn	X		X	
51.8		Thôn Vân Du	X		X	
51.9		Thôn Tiên Quang	X	X	X	
51.10		Thôn Sơn Đẻ	X		X	
51.11		Thôn Yên Lão	X	X	X	
51.12		Thôn Phố Cát		X	X	
51.13		Thôn Phù Bản	X		X	
51.14		Thôn Hoà Sơn	X		X	
51.15		Thôn Đồng Phú	X		X	
51.16		Thôn Bái Đang	X	X	X	
51.17		Thôn Tiên Hương	X		X	
51.18		Thôn Cát Thành		X	X	
51.19		Thôn Ngọc Động	X	X	X	
51.20		Thôn Thạch Lỗi	X	X	X	
51.21		Thôn Bông Bụt	X	X	X	
51.22		Thôn Trường Châu	X	X	X	
51.23		Thôn Đồng Hội	X	X	X	
51.24		Thôn Bất Mê	X	X	X	

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
51.25		Thôn Đồng Chư	X	X	X	
51.26		Thôn Đồng Đa	X	X	X	
51.27		Thôn Xuân Hương		X	X	
52	XÃ NGỌC TRẠO		24	24	26	0
52.1		Thôn Nông Lý	X	X	X	
52.2		Thôn Minh Ba	X	X	X	
52.3		Thôn Tân Liên		X	X	
52.4		Thôn Quỳnh Sinh	X	X	X	
52.5		Thôn Ngọc Tâm	X	X	X	
52.6		Thôn Thịnh Tiến	X	X	X	
52.7		Thôn Vạn Bảo		X	X	
52.8		Thôn Tân Lý	X	X	X	
52.9		Thôn Tân Thịnh	X	X	X	
52.10		Thôn Ngọc Thành	X	X	X	
52.11		Thôn Yên Thịnh	X		X	
52.12		Thôn Ngọc Trạo	X	X	X	
52.13		Thôn Ngọc Long	X	X	X	
52.14		Thôn Thiểm Niêm	X	X	X	
52.15		Thôn Dọc Dành	X	X	X	
52.16		Thôn Ngọc Thanh	X		X	
52.17		Thôn Đồng Ngư	X	X	X	
52.18		Thôn Dỹ Thắng	X	X	X	
52.19		Thôn Dỹ Tiến	X	X	X	
52.20		Thôn Thạch Cù	X	X	X	
52.21		Thôn Hòa Lễ	X	X	X	
52.22		Thôn Thành Công	X	X	X	
52.23		Thôn Thành Minh	X	X	X	
52.24		Thôn Thành Sơn	X	X	X	
52.25		Thôn Eo Bàn	X	X	X	
52.26		Thôn Thành Du	X	X	X	
53	XÃ THẠCH BÌNH		21	16	24	0
53.1		Thôn 5	X	X	X	
53.2		Thôn Cự Môn	X		X	
53.3		Thôn Đại Dương	X		X	
53.4		Thôn Đồng Hương	X	X	X	
53.5		Thôn Bình Chính	X		X	
53.6		Thôn Bình Sậy	X	X	X	
53.7		Thôn Tân Sơn	X	X	X	
53.8		Thôn Liên Sơn	X		X	
53.9		Thôn Minh Sơn	X		X	

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
53.10		Thôn Bằng Lợi	X	X	X	
53.11		Thôn Bằng Phú	X	X	X	
53.12		Thôn Châu Sơn	X	X	X	
53.13		Thôn Gò La		X	X	
53.14		Thôn Long Phượng		X	X	
53.15		Khu 4		X	X	
53.16		Thôn Thạch Môn	X	X	X	
53.17		Thôn Đồng Tiến	X	X	X	
53.18		Thôn Thạch Yên	X	X	X	
53.19		Thôn Cẩm Lợi 1	X		X	
53.20		Thôn Cẩm Lợi 2	X		X	
53.21		Thôn Thành Quang	X	X	X	
53.22		Thôn Xuân Tiến	X	X	X	
53.23		Thôn Xuân Thắng	X	X	X	
53.24		Thôn Xuân Long	X		X	
54	XÃ THÀNH VINH		27	22	28	7
54.1		Thôn Đồng Luật	X	X	X	X
54.2		Thôn Phong Phú	X		X	
54.3		Thôn Vân Đình	X	X	X	X
54.4		Thôn Vân Tiến	X		X	
54.5		Thôn Tây Hương	X		X	
54.6		Thôn Lệ Cẩm 1	X	X	X	X
54.7		Thôn Lệ Cẩm 2	X	X	X	X
54.8		Thôn Thống Nhất	X		X	
54.9		Thôn Tân Long	X	X	X	
54.10		Thôn Hồi Phú	X		X	
54.11		Thôn Mỹ Lợi	X	X	X	
54.12		Thôn Cẩm Bộ	X	X	X	
54.13		Thôn Tự Cường	X	X	X	
54.14		Thôn Minh Hải	X		X	
54.15		Thôn Mỹ Đàm	X	X	X	
54.16		Thôn Thượng Quang	X	X	X	
54.17		Thôn Đàm Hương	X	X	X	
54.18		Thôn Mặc Hèo	X	X	X	
54.19		Thôn Sồi Cốc	X	X	X	
54.20		Thôn Nghen	X	X	X	
54.21		Thôn Luông	X	X	X	
54.22		Thôn Mục Long	X	X	X	
54.23		Thôn Thành Tân	X	X	X	
54.24		Thôn Thành Trung	X	X	X	X

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
54.25		Thôn Yên Sơn 1	X	X	X	X
54.26		Thôn Yên Sơn 2	X	X	X	
54.27		Thôn Đồng Thành	X	X	X	X
54.28		Thôn Bãi Cháy		X	X	
55	XÃ THẠCH QUẢNG		22	15	22	5
55.1		Thôn Tượng Sơn	X	X	X	X
55.2		Thôn Tượng Sơn 3	X	X	X	
55.3		Thôn Tượng Liên 1	X	X	X	X
55.4		Thôn Tượng Liên	X	X	X	X
55.5		Thôn Tượng Phong	X	X	X	
55.6		Thôn Đẳng Thượng	X	X	X	
55.7		Thôn Nội Thành	X	X	X	X
55.8		Thôn Thống Nhất	X	X	X	
55.9		Thôn Nghéo	X	X	X	
55.10		Thôn Đồi	X	X	X	
55.11		Thôn Biện	X	X	X	X
55.12		Thôn Lâm Thành	X	X	X	
55.13		Thôn Quảng Thắng	X		X	
55.14		Thôn Phố	X		X	
55.15		Thôn Quảng Công	X	X	X	
55.16		Thôn Quảng Cư	X		X	
55.17		Thôn Quảng Giang	X		X	
55.18		Thôn Quảng Trung	X	X	X	
55.19		Thôn Đồng Thóc	X	X	X	
55.20		Thôn Quảng Tân	X		X	
55.21		Thôn Quảng Yên	X		X	
55.22		Thôn Quảng Bình	X		X	
56	XÃ NHƯ XUÂN		21	16	21	5
56.1		Thôn 1	X	X	X	
56.2		Thôn 2	X		X	
56.3		Thôn 3	X		X	
56.4		Thôn 4	X		X	
56.5		Thôn Cát Tiến	X	X	X	
56.6		Thôn Đức Bình	X	X	X	X
56.7		Thôn Lúng	X		X	X
56.8		Thôn Mai Thắng	X	X	X	
56.9		Thôn Mỹ Ré	X	X	X	
56.10		Thôn Phú Quế	X	X	X	
56.11		Thôn Quế Phú	X	X	X	
56.12		Thôn Tân Lập	X	X	X	X

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
56.13		Thôn Tân Sơn	X	X	X	X
56.14		Thôn Tân Thắng	X	X	X	
56.15		Thôn Thăng Bình	X	X	X	
56.16		Thôn Thắng Sơn	X	X	X	
56.17		Thôn Thanh Bình	X	X	X	X
56.18		Thôn Trung Thành	X		X	
56.19		Thôn Xuân Chính	X	X	X	
56.20		Thôn Xuân Thịnh	X	X	X	
56.21		Thôn Yên Thắng	X	X	X	
57	XÃ THUẬN NINH		22	20	22	7
57.1		Thôn Cát Lợi	X	X	X	
57.2		Thôn Cát Thịnh	X	X	X	X
57.3		Thôn Cát Xuân	X	X	X	
57.4		Thôn Đồng Chanh	X	X	X	
57.5		Thôn Đồng Hả	X	X	X	
57.6		Thôn Đồng Minh	X		X	
57.7		Thôn Đồng Ngán	X	X	X	X
57.8		Thôn Đồng Tâm	X	X	X	
57.9		Thôn Đồng Thanh	X		X	
57.10		Thôn Đồng Xuân	X	X	X	
57.11		Thôn Đức Thắng	X	X	X	
57.12		Thôn Khe Khoai	X	X	X	X
57.13		Thôn Phụ Vân	X	X	X	X
57.14		Thôn Thanh Vân	X	X	X	
57.15		Thôn Tiến Thành	X	X	X	X
57.16		Thôn Vân Bình	X	X	X	
57.17		Thôn Vân Hoà	X	X	X	
57.18		Thôn Vân Thành	X	X	X	
57.19		Thôn Vân Thượng	X	X	X	X
57.20		Thôn Vân Tiến	X	X	X	X
57.21		Thôn Vân Trung	X	X	X	
57.22		Thôn Xuân Thượng	X	X	X	
58	XÃ HÓA QUỲ		19	20	20	10
58.1		Thôn Đồng Tâm	X	X	X	X
58.2		Thôn Đồng Xuân	X	X	X	
58.3		Thôn Hợp Thành	X	X	X	X
58.4		Thôn Làng Gió	X	X	X	
58.5		Thôn Làng Mai	X	X	X	X
58.6		Thôn Làng Sao	X	X	X	
58.7		Thôn Liên Hiệp	X	X	X	

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
58.8		Thôn Luống Đồng	X	X	X	X
58.9		Thôn Quang Trung	X	X	X	
58.10		Thôn Tân Thịnh	X	X	X	X
58.11		Thôn Thắng Lộc	X	X	X	
58.12		Thôn Thanh Hương	X	X	X	
58.13		Thôn Thanh Lương	X	X	X	X
58.14		Thôn Thanh Tân	X	X	X	
58.15		Thôn Thanh Xuân	X	X	X	X
58.16		Thôn Thịnh Lạc	X	X	X	X
58.17		Thôn Xóm Chuối	X	X	X	X
58.18		Thôn Xuân Đàm	X	X	X	X
58.19		Thôn Xuân Hương		X	X	
58.20		Thôn Xuân Thành	X	X	X	
59	XÃ XUÂN BÌNH		13	19	21	13
59.1		Thôn 12		X	X	
59.2		Thôn 13		X	X	
59.3		Thôn 3		X	X	
59.4		Thôn 5		X	X	
59.5		Thôn 6		X	X	
59.6		Thôn 7		X	X	
59.7		Thôn 8	X	X	X	X
59.8		Thôn Chôi Trồn	X	X	X	X
59.9		Thôn Đồng Trinh	X	X	X	X
59.10		Thôn Giảng	X	X	X	X
59.11		Thôn Hào	X	X	X	X
59.12		Thôn Me	X		X	X
59.13		Thôn Mít	X		X	X
59.14		Thôn Mơ	X	X	X	X
59.15		Thôn Nghiu	X	X	X	X
59.16		Thôn Ngòi	X	X	X	X
59.17		Thôn Nhà Máy		X	X	
59.18		Thôn Sim	X	X	X	X
59.19		Thôn Thanh Niên		X	X	
59.20		Thôn Xuân Hợp	X	X	X	X
59.21		Thôn Xuân Phú	X	X	X	X
60	XÃ THANH PHONG		16	15	16	16
60.1		Thôn Chạng Vung	X	X	X	X
60.2		Thôn Đoàn Trung	X	X	X	X
60.3		Thôn Hai Huân	X	X	X	X
60.4		Thôn Làng Chảo	X		X	X

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
60.5		Thôn Làng Kèn	X	X	X	X
60.6		Thôn Làng Kha	X	X	X	X
60.7		Thôn Làng Lự	X	X	X	X
60.8		Thôn Làng Xăm	X	X	X	X
60.9		Thôn Quang Hùng	X	X	X	X
60.10		Thôn Tân Hiệp	X	X	X	X
60.11		Thôn Tân Hòa	X	X	X	X
60.12		Thôn Tân Hùng	X	X	X	X
60.13		Thôn Tân Phong	X	X	X	X
60.14		Thôn Tân Thành	X	X	X	X
60.15		Thôn Thanh Sơn	X	X	X	X
60.16		Thôn Xuân Phong	X	X	X	X
61	XÃ THANH QUÂN		20	14	20	20
61.1		Thôn Chiềng Cà	X	X	X	X
61.2		Thôn Đồng Chạng	X	X	X	X
61.3		Thôn Đồng Phổng	X	X	X	X
61.4		Thôn Đồng Sán	X	X	X	X
61.5		Thôn Hón Tĩnh	X	X	X	X
61.6		Thôn Kẽ Lạn	X		X	X
61.7		Thôn Kẽ Mạnh 1	X	X	X	X
61.8		Thôn Lâm Chính	X		X	X
61.9		Thôn Lâu Quán	X		X	X
61.10		Thôn Ná Cà 1	X	X	X	X
61.11		Thôn Ná Cà 2	X		X	X
61.12		Thôn Quăn 1	X		X	X
61.13		Thôn Tân Cúc	X		X	X
61.14		Thôn Thanh Bình	X	X	X	X
61.15		Thôn Thanh Đồng	X	X	X	X
61.16		Thôn Thanh Nhân	X	X	X	X
61.17		Thôn Thanh Tân	X	X	X	X
61.18		Thôn Thanh Thủy	X	X	X	X
61.19		Thôn Thanh Tiến	X	X	X	X
61.20		Thôn Thống Nhất	X	X	X	X
62	XÃ XUÂN DU		32	24	33	1
62.1		Thôn Bái Đa 1	X	X	X	
62.2		Thôn Bái Đa 2	X	X	X	
62.3		Thôn Bãi Hưng	X	X	X	
62.4		Thôn Đồng Tâm	X	X	X	
62.5		Thôn Khe Xanh	X	X	X	
62.6		Thôn Đồng Phong	X	X	X	

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
62.7		Thôn Cộng Thành	X	X	X	
62.8		Thôn 1 Cán Khê	X	X	X	
62.9		Thôn 2 Cán Khê	X	X	X	
62.10		Thôn 3 Cán Khê	X	X	X	
62.11		Thôn 4 Cán Khê	X	X	X	
62.12		Thôn 5 Cán Khê	X	X	X	
62.13		Thôn 6 Cán Khê	X	X	X	
62.14		Thôn 7 Cán Khê	X	X	X	
62.15		Thôn 8 Cán Khê	X	X	X	
62.16		Thôn 9 Cán Khê	X		X	
62.17		Thôn 10 Cán Khê	X		X	
62.18		Thôn 11 Cán Khê	X		X	
62.19		Thôn 12 Cán Khê	X		X	
62.20		Thôn Mỏ 1	X	X	X	
62.21		Thôn Mỏ 2	X	X	X	
62.22		Thôn Đông	X	X	X	
62.23		Thôn Chanh	X	X	X	
62.24		Thôn 1 Xuân Du	X	X	X	X
62.25		Thôn 2 Xuân Du	X		X	
62.26		Thôn 3 Xuân Du	X	X	X	
62.27		Thôn 4 Xuân Du	X		X	
62.28		Thôn 5 Xuân Du	X	X	X	
62.29		Thôn 6 Xuân Du	X	X	X	
62.30		Thôn 8 Xuân Du		X	X	
62.31		Thôn 11 Xuân Du	X		X	
62.32		Thôn 12 Xuân Du	X		X	
62.33		Thôn 14 Xuân Du	X		X	
63	XÃ MẬU LÂM		18	17	20	0
63.1		Thôn Phú Quang	X	X	X	
63.2		Thôn Phú Nhuận	X		X	
63.3		Thôn Phú Phương 4		X	X	
63.4		Thôn Khe Sinh	X	X	X	
63.5		Thôn Phú Sơn	X	X	X	
63.6		Thôn Đồng Sinh	X		X	
63.7		Thôn Thung Khế	X	X	X	
63.8		Thôn Yên Thọ	X	X	X	
63.9		Thôn Đồng Yên	X	X	X	
63.10		Thôn Hợp Tiến	X	X	X	
63.11		Thôn Bái Gạo 1	X	X	X	
63.12		Thôn Bái Gạo 2	X	X	X	

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
63.13		Thôn Đồng Nghiêm	X	X	X	
63.14		Thôn Đồng Bóp	X	X	X	
63.15		Thôn Rộc Môn	X	X	X	
63.16		Thôn Cầu Hồ	X	X	X	
63.17		Thôn Đồng Xuân		X	X	
63.18		Thôn Đồng Tiến	X	X	X	
63.19		Thôn Tâm Tiến	X	X	X	
63.20		Thôn Đồng Mọc	X		X	
64	XÃ NHƯ THANH		18	17	20	0
64.1		Thôn Đồng Mưa	X	X	X	
64.2		Thôn Phụng Xuân	X	X	X	
64.3		Thôn Xuân Hòa	X	X	X	
64.4		Thôn Xuân Tiến	X	X	X	
64.5		Thôn Đồng Hơ		X	X	
64.6		Thôn Trạch Khang	X	X	X	
64.7		Thôn Xuân Lộc	X	X	X	
64.8		Thôn Xuân Thành	X	X	X	
64.9		Thôn Xuân Sinh	X	X	X	
64.10		Thôn Xuân Cường	X	X	X	
64.11		Thôn Vĩnh Lợi	X	X	X	
64.12		Thôn Hải Hoà	X	X	X	
64.13		Thôn Đồng Xuân	X		X	
64.14		Thôn Đồng Lớn	X		X	
64.15		Thôn Tân Long	X	X	X	
64.16		Thôn Xuân Phong	X		X	
64.17		Thôn Đồi Dẻ	X	X	X	
64.18		Thôn Đồng Mười		X	X	
64.19		Thôn Vân Thành	X	X	X	
64.20		Thôn Xuân Lai	X	X	X	
65	XÃ YÊN THỌ		16	20	23	0
65.1		Thôn Quần Thọ	X		X	
65.2		Thôn Xuân Mới		X	X	
65.3		Thôn Minh Thịnh	X		X	
65.4		Thôn Yên Xuân	X	X	X	
65.5		Thôn Hùng Sơn		X	X	
65.6		Thôn Đồng Xã	X	X	X	
65.7		Thôn Đồng Quạ	X	X	X	
65.8		Thôn Đồng Quốc	X	X	X	
65.9		Thôn Trại Quan	X	X	X	
65.10		Thôn Nước Trong	X	X	X	

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
65.11		Thôn Bái Con	X	X	X	
65.12		Thôn Rộc Răm	X	X	X	
65.13		Thôn Phúc Minh		X	X	
65.14		Thôn Nam Sơn		X	X	
65.15		Thôn Bái Thất	X	X	X	
65.16		Thôn Hồng Sơn		X	X	
65.17		Thôn Tiên Thắng	X	X	X	
65.18		Thôn Đồng Yên	X	X	X	
65.19		Thôn Đồng Trung	X		X	
65.20		Thôn Ba Cồn	X	X	X	
65.21		Thôn Ao Mè	X	X	X	
65.22		Thôn Tân Xuân		X	X	
65.23		Thôn Tân Tiến		X	X	
66	XÃ THANH KỲ		21	17	21	14
66.1		Thôn Đồng Lắm	X	X	X	
66.2		Thôn Tân Mỹ	X	X	X	X
66.3		Thôn Hợp Nhất	X		X	
66.4		Thôn Phú Quý	X	X	X	X
66.5		Thôn Tân Vinh	X	X	X	X
66.6		Thôn Thanh Vinh	X	X	X	
66.7		Thôn Thanh Quang	X	X	X	X
66.8		Thôn Tân Quang	X	X	X	X
66.9		Thôn Khe Cát	X	X	X	X
66.10		Thôn Hợp Tiến	X	X	X	X
66.11		Thôn Tân Hùng	X	X	X	X
66.12		Thôn Bò Lăn	X	X	X	X
66.13		Thôn Kim Đồng	X		X	
66.14		Thôn Bái Sim	X	X	X	X
66.15		Thôn Thanh Trung	X		X	
66.16		Thôn Thanh Sơn	X	X	X	
66.17		Thôn Thanh Xuân	X	X	X	X
66.18		Thôn Đồng Tâm	X	X	X	X
66.19		Thôn Đồng Tiến	X	X	X	X
66.20		Thôn Đồng Ván	X	X	X	X
66.21		Thôn Kỳ Thượng	X		X	
67	XÃ XUÂN THÁI		10	10	10	6
67.1		Thôn Thanh Xuân	X	X	X	X
67.2		Thôn Yên Vinh	X	X	X	X
67.3		Thôn Quảng Đại	X	X	X	X
67.4		Thôn Ba Bái	X	X	X	X

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
67.5		Thôn Đồng cốc	X	X	X	X
67.6		Thôn Làng Lúng	X	X	X	X
67.7		Thôn Cây Nghĩa	X	X	X	
67.8		Thôn Ấp Cũ	X	X	X	
67.9		Thôn Đồng Lườn	X	X	X	
67.10		Thôn Yên Khang	X	X	X	
68	XÃ THƯỜNG XUÂN		13	21	21	7
68.1		Thôn 1		X	X	
68.2		Thôn 2	X	X	X	
68.3		Thôn 3	X	X	X	
68.4		Thôn 4		X	X	
68.5		Thôn 5		X	X	
68.6		Thôn Hòa Lâm		X	X	
68.7		Thôn Hồng Kỳ		X	X	
68.8		Thôn Hưng Long	X	X	X	
68.9		Thôn Phú Vinh	X	X	X	
68.10		Thôn Quyết Tiến		X	X	X
68.11		Thôn Thanh Cao	X	X	X	X
68.12		Thôn Thanh Long		X	X	
68.13		Thôn Thanh Xuân	X	X	X	X
68.14		Thôn Tiến Sơn 1	X	X	X	X
68.15		Thôn Tiến Sơn 2	X	X	X	
68.16		Thôn Trung Chính	X	X	X	X
68.17		Thôn Xuân Lập		X	X	
68.18		Thôn Xuân Minh	X	X	X	X
68.19		Thôn Xuân Quang	X	X	X	X
68.20		Thôn Xuân Thắng	X	X	X	
68.21		Thôn Xuân Thành	X	X	X	
69	XÃ LUẬN THÀNH		15	14	15	14
69.1		Thôn Cao Tiến	X	X	X	X
69.2		Thôn Hợp Nhất	X	X	X	X
69.3		Thôn Liên Thành	X		X	
69.4		Thôn Quyết Thắng 1	X	X	X	X
69.5		Thôn Quyết Thắng 2	X	X	X	X
69.6		Thôn Quyết Tiến	X	X	X	X
69.7		Thôn Sơn Minh	X	X	X	X
69.8		Thôn Thành Thắng	X	X	X	X
69.9		Thôn Thành Tiến	X	X	X	X
69.10		Thôn Tiến Hưng 1	X	X	X	X
69.11		Thôn Tiến Hưng 2	X	X	X	X

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
69.12		Thôn Vinh Quang	X	X	X	X
69.13		Thôn Xuân Minh 1	X	X	X	X
69.14		Thôn Xuân Minh 2	X	X	X	X
69.15		Thôn Xuân Thắng	X	X	X	X
70	XÃ TÂN THÀNH		18	16	18	16
70.1		Thôn An Nhân	X	X	X	X
70.2		Thôn Buồng	X	X	X	X
70.3		Thôn Chiềng	X	X	X	X
70.4		Thôn Hún	X	X	X	X
70.5		Thôn Kha	X	X	X	X
70.6		Thôn Mơ Thăm	X	X	X	X
70.7		Thôn Ngọc Trà	X	X	X	X
70.8		Thôn Nhàng	X	X	X	X
70.9		Thôn Thành Đon	X	X	X	
70.10		Thôn Thành Hạ	X		X	X
70.11		Thôn Thành Lai	X	X	X	X
70.12		Thôn Thành Lâm	X		X	X
70.13		Thôn Thành Lợi	X	X	X	
70.14		Thôn Thành Lợp	X	X	X	X
70.15		Thôn Thành Nàng	X	X	X	X
70.16		Thôn Thành Sơn	X	X	X	X
70.17		Thôn Thành Thượng	X	X	X	X
70.18		Thôn Yên Mỹ	X	X	X	X
71	XÃ THẮNG LỘC		12	12	12	12
71.1		Thôn Chiềng	X	X	X	X
71.2		Thôn Cộc	X	X	X	X
71.3		Thôn Dín	X	X	X	X
71.4		Thôn Én	X	X	X	X
71.5		Thôn Pà Cầu	X	X	X	X
71.6		Thôn Quế	X	X	X	X
71.7		Thôn Tân Thắng	X	X	X	X
71.8		Thôn Tân Thọ	X	X	X	X
71.9		Thôn Tú	X	X	X	X
71.10		Thôn Vành	X	X	X	X
71.11		Thôn Xem Đót	X	X	X	X
71.12		Thôn Xương	X	X	X	X
72	XÃ XUÂN CHINH		14	14	14	13
72.1		Thôn Bàn Tạn	X	X	X	X
72.2		Thôn Bọng Nàng	X	X	X	X
72.3		Thôn Chẻ Dài	X	X	X	X

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
72.4		Thôn Chinh	X	X	X	X
72.5		Thôn Đuông Bai	X	X	X	X
72.6		Thôn Giang	X	X	X	X
72.7		Thôn Hành	X	X	X	X
72.8		Thôn Lệ Tà	X	X	X	X
72.9		Thôn Liên Sơn	X	X	X	X
72.10		Thôn Thông	X	X	X	X
72.11		Thôn Tú Ấc	X	X	X	X
72.12		Thôn Xeo	X	X	X	X
72.13		Thôn Xuân Ngù	X	X	X	
72.14		Thôn Xuân Sơn	X	X	X	X
73	XÃ YÊN NHÂN		6	6	6	6
73.1		Thôn Chiềng	X	X	X	X
73.2		Thôn Khong	X	X	X	X
73.3		Thôn Lửa	X	X	X	X
73.4		Thôn Mỏ	X	X	X	X
73.5		Thôn Mỹ	X	X	X	X
73.6		Thôn Na Nghiu	X	X	X	X
74	XÃ BÁT MỌT		8	8	8	8
74.1		Thôn Cạn	X	X	X	X
74.2		Thôn Chiềng	X	X	X	X
74.3		Thôn Đục	X	X	X	X
74.4		Thôn Dưn	X	X	X	X
74.5		Thôn Khẹo	X	X	X	X
74.6		Thôn Phổng	X	X	X	X
74.7		Thôn Ruộng	X	X	X	X
74.8		Thôn Vịn	X	X	X	X
75	XÃ LƯƠNG SƠN		7	7	7	4
75.1		Thôn Lương Thiện	X	X	X	
75.2		Thôn Lương Thịnh	X	X	X	X
75.3		Thôn Minh Ngọc	X	X	X	X
75.4		Thôn Minh Quang	X	X	X	X
75.5		Thôn Ngọc Sơn	X	X	X	
75.6		Thôn Ngọc Thượng	X	X	X	X
75.7		Thôn Trung Thành	X	X	X	
76	XÃ VẠN XUÂN		10	9	10	8
76.1		Thôn Bù Đồn	X	X	X	X
76.2		Thôn Cang Khèn	X	X	X	X
76.3		Thôn Công Thương	X	X	X	X
76.4		Thôn Hang Cáu	X	X	X	X

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
76.5		Thôn Khảm	X	X	X	X
76.6		Thôn Lùm Nưa	X	X	X	
76.7		Thôn Ná Mén	X	X	X	X
76.8		Thôn Nhòng	X		X	
76.9		Thôn Quận	X	X	X	X
76.10		Thôn Thác Làng	X	X	X	X
77	XÃ TRƯỜNG LÂM		2	2	2	1
77.1		Thôn Tam Sơn	X	X	X	
77.2		Thôn Đồng Lách	X	X	X	X
78	XÃ HÀ LONG		2	0	2	0
78.1		Thôn Khắc Dũng	X		X	
78.2		Thôn Nghĩa Đụng	X		X	
79	XÃ CÔNG CHÍNH		1	1	1	1
79.1		Thôn Khả La	X	X	X	X
80	XÃ QUÝ LỘC		6	0	6	0
80.1		Thôn Đông Sơn	X		X	
80.2		Thôn Quan Trì	X		X	
80.3		Thôn Diệu sơn	X		X	
80.4		Thôn Phúc Trí	X		X	
80.5		Thôn Thắng Long	X		X	
80.6		Thôn Hành Chính	X		X	
81	XÃ SAO VÀNG		19	6	19	0
81.1		Thôn Đồng Luồng	X	X	X	
81.2		Thôn Làng Bài	X	X	X	
81.3		Thôn Hồ Dăm	X		X	
81.4		Thôn Làng Sung	X	X	X	
81.5		Thôn Làng Pheo	X	X	X	
81.6		Thôn Ba Ngọc	X	X	X	
81.7		Thôn Đá Dựng	X		X	
81.8		Thôn Đồng Cốc	X		X	
81.9		Thôn Bàn Lai	X	X	X	
81.10		Thôn Cửa Trát	X		X	
81.11		Thôn Quyết Tâm	X		X	
81.12		Thôn Điền Trạch	X		X	
81.13		Thôn 5	X		X	
81.14		Thôn 7	X		X	
81.15		Thôn 9	X		X	
81.16		Thôn Xuân Tâm	X		X	
81.17		Thôn Tân Lập	X		X	
81.18		Thôn Xuân Long	X		X	

TT	Tên xã, phường	Tên thôn	Thôn thuộc vùng			Thôn đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	DTTS&MN	
1	2	3	4	5	6	7
81.19		Thôn 12	X		X	
82	XÃ XUÂN TÍN		4	0	4	0
82.1		Thôn 3	X		X	
82.2		Thôn 4	X		X	
82.3		Thôn 5	X		X	
82.4		Thôn 11	X		X	
83	XÃ TÂY ĐÔ		2	0	2	0
83.1		Thôn Quan Nhân	X		X	
83.2		Thôn Tân Lập	X		X	
84	XÃ BIỆN THUẬN		1	0	1	0
84.1		Thôn Đồng Mục	X		X	
85	XÃ THỌ BÌNH		21	19	22	15
85.1		Thôn 1	X		X	
85.2		Thôn 2	X	X	X	X
85.3		Thôn 4		X	X	
85.4		Thôn 5	X	X	X	X
85.5		Thôn 6	X	X	X	X
85.6		Thôn 7	X	X	X	X
85.7		Thôn 8	X	X	X	X
85.8		Thôn 9	X		X	
85.9		Thôn 12	X	X	X	X
85.10		Thôn 13	X	X	X	X
85.11		Thôn 14	X	X	X	X
85.12		Thôn 16	X		X	
85.13		Thôn 17	X	X	X	
85.14		Thôn 19	X	X	X	
85.15		Thôn 20	X	X	X	
85.16		Thôn 21	X	X	X	X
85.17		Thôn 22	X	X	X	X
85.18		Thôn Bồn Dền	X	X	X	X
85.19		Thôn Thoi	X	X	X	X
85.20		Thôn Cây Xe	X	X	X	X
85.21		Thôn Đông Tranh	X	X	X	X
85.22		Thôn Bao Lâm	X	X	X	X

DANH SÁCH XÃ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI, XÃ KHU VỰC I, II, III TỈNH THANH HOÁ, GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số 267 /QĐ-UBND ngày 21 /01/2026 của UBND tỉnh Thanh Hoá)

TT	Tên xã, phường	Xã thuộc vùng			Xã thuộc khu vực I,II,III	Số thôn DTTS&MN	
		DTTS	MN	DTTS&MN		Tổng số thôn	Số thôn ĐBKK
1	2	3	4	5	8	9	10
I	TỔNG CỘNG	78	74	78	78	1.462	653
	<i>Thôn vùng DTTS&MN và thôn ĐBKK nằm ngoài xã khu vực I, II, III</i>					18	02
	<i>Xã khu vực I</i>				04	105	0
	<i>Xã khu vực II</i>				17	454	11
	<i>Xã khu vực III</i>				57	885	640
II	CHI TIẾT						
1	Xã Mường Lát	X	X	X	III	11	9
2	Xã Mường Chanh	X	X	X	III	9	1
3	Xã Mường Lý	X	X	X	III	15	8
4	Xã Nhi Sơn	X	X	X	III	6	6
5	Xã Pù Nhi	X	X	X	III	11	10
6	Xã Quang Chiêu	X	X	X	III	13	1
7	Xã Tam Chung	X	X	X	III	8	6
8	Xã Trung Lý	X	X	X	III	15	13
9	Xã Hồi Xuân	X	X	X	III	20	4
10	Xã Nam Xuân	X	X	X	III	14	12
11	Xã Thiên Phú	X	X	X	III	13	13
12	Xã Hiền Kiệt	X	X	X	III	13	10
13	Xã Phú Lê	X	X	X	III	15	15
14	Xã Trung Thành	X	X	X	III	15	15
15	Xã Phú Xuân	X	X	X	III	11	10
16	Xã Trung Sơn	X	X	X	III	6	5
17	Xã Tam Lư	X	X	X	III	13	7
18	Xã Quan Sơn	X	X	X	III	16	14
19	Xã Trung Hạ	X	X	X	III	22	19
20	Xã Na Mèo	X	X	X	III	9	9
21	Xã Sơn Thủy	X	X	X	III	11	11
22	Xã Sơn Điện	X	X	X	III	10	10
23	Xã Mường Mìn	X	X	X	III	5	5
24	Xã Tam Thanh	X	X	X	III	8	8

TT	Tên xã, phường	Xã thuộc vùng			Xã thuộc khu vực I,II,III	Số thôn DTTS&MN	
		DTTS	MN	DTTS&MN		Tổng số thôn	Số thôn ĐBK
1	2	3	4	5	8	9	10
25	Xã Linh Sơn	X	X	X	III	18	13
26	Xã Đồng Lương	X	X	X	III	16	10
27	Xã Văn Phú	X	X	X	III	14	13
28	Xã Giao An	X	X	X	III	11	10
29	Xã Yên Khương	X	X	X	III	9	8
30	Xã Yên Thắng	X	X	X	III	9	9
31	Xã Bá Thước	X	X	X	III	34	8
32	Xã Thiết Ống	X	X	X	III	23	20
33	Xã Văn Nho	X	X	X	III	17	17
34	Xã Điền Quang	X	X	X	III	30	29
35	Xã Điền Lư	X	X	X	II	30	0
36	Xã Quý Lương	X	X	X	III	26	24
37	Xã Cổ Lũng	X	X	X	III	22	22
38	Xã Pù Luông	X	X	X	III	20	19
39	Xã Ngọc Lặc	X	X	X	II	33	0
40	Xã Thạch Lập	X	X	X	II	30	2
41	Xã Ngọc Liên	X	X	X	II	39	0
42	Xã Minh Sơn	X	X	X	II	34	0
43	Xã Nguyệt Án	X	X	X	III	34	18
44	Xã Kiên Thọ	X	X	X	II	25	0
45	Xã Cẩm Thạch	X	X	X	II	31	1
46	Xã Cẩm Thủy	X	X	X	I	23	0
47	Xã Cẩm Tú	X	X	X	II	24	0
48	Xã Cẩm Vân	X	X	X	II	16	0
49	Xã Cẩm Tân	X	X	X	II	18	0
50	Xã Kim Tân	X		X	I	43	0
51	Xã Vân Du	X	X	X	II	27	0
52	Xã Ngọc Trạo	X	X	X	II	26	0
53	Xã Thạch Bình	X		X	II	24	0
54	Xã Thành Vinh	X	X	X	III	28	7
55	Xã Thạch Quảng	X	X	X	III	22	5
56	Xã Như Xuân	X	X	X	III	21	5
57	Xã Thượng Ninh	X	X	X	III	22	7
58	Xã Hóa Quỳ	X	X	X	III	20	10
59	Xã Xuân Bình	X	X	X	III	21	13
60	Xã Thanh Phong	X	X	X	III	16	16
61	Xã Thanh Quân	X	X	X	III	20	20
62	Xã Xuân Du	X	X	X	II	33	1
63	Xã Mậu Lâm	X	X	X	II	20	0
64	Xã Như Thanh	X		X	I	20	0

TT	Tên xã, phường	Xã thuộc vùng			Xã thuộc khu vực I,II,III	Số thôn DTTS&MN	
		DTTS	MN	DTTS&MN		Tổng số thôn	Số thôn ĐBK
1	2	3	4	5	8	9	10
65	Xã Yên Thọ	X	X	X	II	23	0
66	Xã Thanh Kỳ	X	X	X	III	21	14
67	Xã Xuân Thái	X	X	X	III	10	6
68	Xã Thường Xuân	X	X	X	II	21	7
69	Xã Luận Thành	X	X	X	III	15	14
70	Xã Tân Thành	X	X	X	III	18	16
71	Xã Thắng Lợi	X	X	X	III	12	12
72	Xã Xuân Chinh	X	X	X	III	14	13
73	Xã Yên Nhân	X	X	X	III	6	6
74	Xã Bát Mọt	X	X	X	III	8	8
75	Xã Lương Sơn	X	X	X	III	7	4
76	Xã Vạn Xuân	X	X	X	III	10	8
77	Xã Thọ Bình	X	X	X	III	22	15
78	Xã Sao Vàng	X		X	I	19	0